

ENERGY SOURCES

A CLOSER LOOK 1

solar energy /səʊ.lər' en.ə.dʒi/	(n): năng lượng mặt trời
- hydro energy /'haɪ.drəʊ/	(n): năng lượng nước
- nuclear /'nju:.kliər/	(n): hạt nhân
- breeze /bri:z/	(n): cơn gió nhẹ
- solar panel /,səʊ.lə 'pæn.əl/	(n): tấm pin NL mặt trời
- roof /ru:f/	(n): mái nhà
- produce /prə'dʒu:s/	(v): sản xuất , chế tạo
- government /'gʌv.ə.n.mənt/	(n): chính phủ, chính quyền